

**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG/KHẾ ƯỚC NHẬN NỢ**

Số:/...../KKH/20....., ngày.....tháng.....năm 20.....

▪ **Bên cho vay (TYM):** Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tỉnh Thương - Chi nhánh PGD

- Địa chỉ: Điện thoại:

- Giấy CNĐKKD: Số Do Cấp ngày

- Đại diện: Ông/Bà..... Chức vụ:

▪ **Bên vay gồm:**- **Thành viên vay vốn:** Bà Ngày sinh:/...../..... Mã KH: Cụm số:.....

Là thành viên của Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH MTV Tỉnh Thương (sau đây gọi tắt là Thành viên).

☐ Số CMND/☐ CCCD: Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: SDT:

Địa chỉ thường trú (TT):.....

Nơi ở hiện nay: ☐ Theo địa chỉ TT; ☐ Khác:Tình trạng hôn nhân: ☐ Độc thân / ☐ Kết hôn / ☐ Ly hôn / ☐ Góa.- ☐ Người đồng vay vốn / ☐ Người bảo lãnh: ☐ Ông/ ☐ Bà.....

Ngày sinh:/...../..... Điện thoại: Mối quan hệ với Thành viên:

☐ CMND/ ☐ CCCD: Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Nơi ở hiện nay: ☐ Theo địa chỉ thường trú ☐ Khác:**Hai bên thống nhất ký hợp đồng tín dụng/khế ước nhận nợ để thỏa thuận về việc cho vay cụ thể như sau:**

Loại vốn	Số tiền vay (đơn vị: Đồng)	Thời hạn vay	Hình thức hoàn trả	Lãi suất	Ngày trả đầu tiên	Ngày trả cuối cùng
				%/.....	 / /	 / /
				%/.....	 / /	 / /
Tổng cộng						

Bằng chữ:

Mục đích sử dụng vốn vay:* **Loại vốn:**

- Theo ngành nghề :

- Theo nhu cầu :

* **Loại vốn:**

- Theo ngành nghề :

- Theo nhu cầu :

(Lịch hoàn trả của khoản vay là một phần không tách rời của hợp đồng tín dụng/khế ước nhận nợ)

* Thành viên theo dõi số tiền hoàn trả gốc và lãi vay từng kỳ theo lịch hoàn trả được cấp ngay sau khi nhận vốn

Phương thức cho vay: Cho vay từng lần.

Tài sản bảo đảm: ☐ Có tài sản bảo đảm (Hợp đồng thế chấp đi kèm) / ☒ Không có tài sản bảo đảm

Thành viên, Người đồng vay vốn/Người bảo lãnh đã đọc, hiểu rõ, chấp nhận và chịu trách nhiệm pháp lý về các điều kiện thỏa thuận với TYM quy định tại Phụ lục số 01 – Các điều kiện Hợp đồng tín dụng kèm theo Hợp đồng tín dụng/Khế ước nhận nợ này.

Thành viên: **Chữ ký**☐ Người đồng vay vốn/ ☐ Người bảo lãnh **Chữ ký****Cán bộ kỹ thuật****Trưởng phòng giao dịch****Giám đốc chi nhánh**

Điều 1. Điều kiện chung 1. Bên vay được vay số tiền theo nội dung cụ thể nêu tại trang 1 của bản Hợp đồng tín dụng/Khế ước nhận nợ này. Bên vay đã thực tế nhận nợ toàn bộ số tiền vay được Bên cho vay giải ngân. 2. Phương pháp tính lãi suất: Lãi suất cho vay nêu tại hợp đồng vay vốn được áp dụng cố định trên số tiền dư nợ ban đầu mà Bên cho vay đã thực tế giải ngân cho Bên vay (số tiền nhận nợ) từ thời điểm giải ngân cho đến khi tất toán khoản vay, không phụ thuộc vào yêu tố dư nợ vay giảm dần. Hệ thống tính lãi vay hàng ngày, lãi vay của một kỳ bằng tổng lãi vay của các ngày trong kỳ. Lãi vay hàng kỳ được làm tròn đến 1.000 đồng, được bù trừ giữa các kỳ liên tiếp. 3. Mức lãi suất: Lãi suất quy đổi theo năm: a) Lãi suất được tính theo dư nợ cho vay ban đầu vốn là:%/năm (tương đương%/năm tính theo dư nợ thực tế); b) Lãi suất được tính theo dư nợ cho vay ban đầu vốn là:%/năm (tương đương%/năm tính theo dư nợ thực tế). 4. Phương thức hoàn trả: Theo nội dung tại Hợp đồng tín dụng/Khế ước nhận nợ. 5. Hình thức hoàn trả: Tiền mặt hoặc chuyển khoản. 6. Đồng tiền cho vay và đồng tiền trả nợ: Loại tiền đồng Việt Nam. Điều 2. Giải ngân vốn cho vay 1. Điều kiện giải ngân vốn cho vay: Bên cho vay đồng ý giải ngân vốn vay cho Bên vay trong phạm vi số tiền cho vay tại Hợp đồng đảm bảo tuân thủ các điều kiện: a) Mục đích giải ngân vốn vay phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay. b) Hồ sơ vay vốn và các văn bản, giấy tờ liên quan đáp ứng yêu cầu của Bên cho vay. c) Không có bất kỳ Sự kiện Vi phạm nào đang phát sinh (vi phạm tiêu chuẩn, điều kiện vay vốn của TYM). 2. Bên cho vay giải ngân vốn cho vay thông qua hình thức ☒ tiền mặt hoặc ☐ dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt (chuyển tiền vào tài khoản do bên vay chỉ định) phù hợp với quy định của Bên cho vay và quy định của pháp luật”. Điều 3. Trả nợ gốc và lãi 1. Bên vay chấp hành đầy đủ các quy định của Pháp luật và các cam kết thỏa thuận với Bên cho vay; sử dụng tiền vay đúng mục đích và tạo điều kiện để bên cho vay kiểm tra việc sử dụng tiền vay; chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác và trung thực của các hồ sơ đã cung cấp; 2. Bên vay có trách nhiệm trả nợ gốc lãi cho Bên cho vay đầy đủ và đúng hạn trả nợ theo lịch hoàn trả tại địa điểm thu tiền theo quy định của Bên cho vay. 3. Nếu Bên vay không trả nợ hoặc không trả đầy đủ đúng hạn nợ gốc và lãi, bên vay phải chịu trả lãi như sau: a) Trường hợp khoản vay bị chuyển nợ quá hạn, thì Bên vay phải trả lãi trên dư nợ quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả và lãi suất áp dụng tối đa là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn theo quy định của TYM tại từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật. b) Trường hợp Bên vay không trả đúng hạn tiền lãi tính trên nợ gốc đã thỏa thuận, Bên vay phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do Bên cho vay ấn định và tối đa là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của TYM tại từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật. 4. Bên vay trả gốc lãi theo kỳ hoàn trả: a) ☒ Hàng tuần hoặc 4 tuần/lần vào một trong các ngày nhất định trong tuần (từ thứ 2 đến thứ 6). b) ☐ Hàng tháng, vào một ngày cố định trong tháng. c) Trường hợp do thay đổi lịch thu tiền của các cụm, bên vay hoàn trả gốc lãi theo ngày thu tiền do cụm và CBKT thống nhất; d) Trường hợp ngày trả trùng vào ngày nghỉ hàng tuần, nghỉ lễ, tết hoặc các trường hợp khác thì ngày hoàn trả sẽ được chuyển tới ngày làm việc tiếp theo hoặc theo thỏa thuận giữa 2 bên. 5. Trong trường hợp Bên vay xin thanh toán trước hạn, Bên vay chấp nhận sẽ thanh toán phí trả nợ trước hạn, mức phí trả nợ trước hạn được căn cứ theo quy định của TYM tại thời điểm trả nợ trước hạn. 6. Nếu thành viên không trả được thì Ông/Bà:Người đồng vay vốn/Người bảo lãnh ký tên tại Hợp đồng tín dụng/Khế ước nhận nợ có trách nhiệm hoàn trả cho đến khi hết nợ. Điều 4. Số dư tiết kiệm bắt buộc Bên vay cam kết đảm bảo tỷ lệ số dư tiết kiệm bắt buộc so với tổng mức vay của khách hàng theo quy định của TYM. Điều 5. Cơ cấu thời gian trả nợ Bên cho vay xem xét quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ của bên vay theo quy định của TYM Điều 6. Chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn: 1. Bên vay đồng ý việc Bên cho vay chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện Bên vay cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm quy định trong Hợp đồng tín dụng/khế ước nhận nợ hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	2. Bên vay phải trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn theo thông báo bằng văn bản của Bên cho vay về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Trường hợp Bên vay không trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc bị thu hồi trước hạn thì Bên vay đồng ý việc Bên cho vay chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Bên vay không trả được nợ trước hạn và áp dụng lãi suất đối với Dư nợ gốc quá hạn theo quy định tại Hợp đồng này và/hoặc quy định của TYM tại từng thời điểm. 3. Khi chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn, Bên cho vay gửi thông báo bằng văn bản cho Bên vay (Nội dung thông báo tối thiểu bao gồm thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn). Điều 7. Thu hồi và xử lý nợ 1. Nếu thành viên hoặc Người đồng vay vốn/Người bảo lãnh vi phạm bất kỳ thỏa thuận nào trong Bản hợp đồng tín dụng/Khế ước nhận nợ này hoặc chậm trả vốn từ 10 ngày trở lên thì Bên cho vay được toàn quyền quyết định: a) Trích tiền từ bất kỳ khoản tiền tiết kiệm của Bên vay tại TYM để thu hồi toàn bộ dư nợ vốn chậm trả; b) Chuyển toàn bộ khoản dư nợ của Bên vay sang nợ quá hạn và thực hiện ngay mọi biện pháp thu hồi nợ phù hợp với quy định của pháp luật. 2. Thứ tự thu nợ gốc lãi được thực hiện như sau: Bên cho vay và Bên vay thỏa thuận về thứ tự thu nợ gốc, lãi tiền vay. Đối với khoản nợ vay bị quá hạn trả nợ, Bên cho vay thực hiện theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau. Đối với khoản nợ vay có một hoặc một số kỳ hạn trả nợ bị quá hạn, Bên cho vay thực hiện thu nợ theo thứ tự thu nợ gốc đã quá hạn, thu nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, thu nợ gốc đến hạn, thu nợ lãi trên nợ gốc mà đến hạn chưa trả. 3. Bên cho vay được bán một phần hoặc toàn bộ khoản nợ theo Bản Hợp đồng tín dụng/Khế ước nhận nợ này cho tổ chức khác theo quy định của Pháp luật về mua, bán nợ mà không cần Bên vay đồng ý. Điều 8. Thông báo thay đổi 1. Thành viên/Người đồng vay vốn/Người bảo lãnh phải thông báo cho Bên cho vay trước 3 ngày phát sinh các sự kiện: a) Thành viên/Người đồng vay vốn/Người bảo lãnh thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc; b) Thay đổi mục đích vay vốn. 2. Thành viên/Người đồng vay vốn/Người bảo lãnh phải thông báo cho Bên cho vay trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ khi phát sinh các sự kiện sau: a) Thành viên/Người đồng vay vốn/Người bảo lãnh chết, mất tích; b) Mất khả năng thanh toán hoặc có các sự kiện khác ảnh hưởng đến tình hình tài chính, tài sản và khả năng trả nợ của Bên vay. Điều 9. Thỏa thuận khác 1. Bên vay chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn vay đúng mục đích, cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác các tài liệu, thông tin liên quan đến khoản vay theo yêu cầu của Bên cho vay; 2. Bên cho vay được quyền yêu cầu Bên vay cung cấp toàn bộ các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh và thông tin cần thiết liên quan đến khoản vay. Đồng thời, Bên cho vay được quyền cung cấp các thông tin nêu trên và các thông tin khác có liên quan đến Bên vay, khoản vay theo Hợp đồng này cho Bên thứ ba theo quy định của pháp luật và cho đơn vị được phép hoạt động trong lĩnh vực thông tin tín dụng; 3. Bên cho vay được định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và các vấn đề khác có liên quan đến khoản vay; 4. Phạt vi phạm: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, bất kỳ bên nào vi phạm Hợp đồng này đều phải chịu phạt vi phạm, với mức phạt là: 0% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng này bị vi phạm; 5. Bồi thường thiệt hại cho Bên cho vay: Bồi thường thiệt hại cho Bên cho vay: Bên vay phải bồi thường các thiệt hại và tổn thất thực tế phát sinh (nếu có) cho Bên cho vay trong trường hợp Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình quy định tại Hợp đồng này và có lỗi dẫn đến gây thiệt hại và tổn thất cho Bên cho vay; 6. Bồi thường thiệt hại cho Bên vay: Bên cho vay phải bồi thường các thiệt hại và tổn thất thực tế phát sinh (nếu có) cho Bên vay trong trường hợp Bên cho vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình quy định tại Hợp đồng này và có lỗi dẫn đến gây thiệt hại và tổn thất cho Bên vay; 7. Bên vay chịu các khoản chi phí tố tụng và các loại phí khác liên quan đến khoản vay theo quy định của Bên cho vay và quy định của pháp luật; 8. Hai bên có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các nội dung đã thỏa thuận tại bản Hợp đồng tín dụng/Khế ước nhận nợ này; 9. Hợp đồng này được lập thành 2 bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Bên vay trả hết nợ gốc, lãi và các chi phí có liên quan khác cho Bên cho vay (Bên vay giữ 1 bản, bên cho vay giữ 1 bản). Hợp đồng này được tự động thanh lý khi Bên vay trả hết nợ cho Bên cho vay. 10. Những vấn đề chưa được nêu trong Hợp đồng này, sẽ được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.
--	---

NỘI DUNG NHẬN NỢ

Bên vay đã nhận đủ số tiền: đồng. Bằng chữ:

..... Theo phương thức cho vay từng lần vào ngày/...../20.....

Thành viên vay vốn	Thủ quỹ	CBKT	Trưởng phòng giao dịch	Giám đốc chi nhánh
.....				